TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 25-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Doãn Thị Lệ
Bà Lê Thị Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 158/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lữ Văn D**, sinh năm 1992 tại Thanh Hóa. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản P, xã Sơn L, huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn Ư, sinh năm 1969 và bà Lò Thị T, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 lần. Ngày 29/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 60 tháng tù, về tội: "Hiếp dâm trẻ em", tại Bản án số 07/HSST; chấp hành án tại Trại giam số 06, Tổng Cục VIII, Bộ Công an. Ngày 31/8/2015, chấp hành xong hình phạt tù (Đặc xá) về địa phương.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 12-5-2017 đến ngày 21-5-2017 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Họ và tên: **Nông Thị Th,** sinh năm 1991 tại Gia Lai. Nơi ĐKHKTT: Thôn 10, xã Yang Tr, huyện Kông C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Tổ 02, thị trấn Kông C,

huyện Kông C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nông Văn S, sinh năm 1959 và bà La Thị N, sinh năm 1964; có chồng là Phạm Văn C, sinh năm 1988 và 01 người con, sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 12-5-2017 đến ngày 21-5-2017 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng ông Hoàng N; địa chỉ: Tổ 07, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lữ Văn D và Nông Thị Th có quan hệ tình cảm với nhau và đều có sử dụng ma túy. Ngày 08-5-2017, D và Th đón xe khách từ tỉnh Gia Lai đi về huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa để thăm gia đình. Khi vừa đến huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa, Diệp mua 01 gói ma túy loại Hêrôin của một nam thanh niên (Không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 500.000 đồng rồi cùng với Th sử dụng hết. Chiều ngày 10-5-2017, D và Th đến thuê nhà nghỉ ở thị trấn Đồng T, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa để chờ xe khách đi vào lại tỉnh Gia Lai. Trên đường đi thì có người đàn ông gọi điện thoại cho D và hỏi D có mua ma túy không. Do đang lái xe nên D nói: *"Tý nữa gọi lại sau"*. Sau khi thuê phòng nghỉ xong, D ra ngoài gọi điện thoại lại cho người đàn ông vừa gọi điện thoại cho D và hai bên trảo đổi việc mua bán ma túy. Lúc này, D nảy sinh ý định mua ma túy đem vào tỉnh Gia Lai để sử dụng nếu ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời nên D đi vào phòng nghỉ nói Th đưa 9.000.000đồng để D đi trả nợ (Tiền riêng của D nhờ Th cất giữ hộ). Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 36F6-0092 đi đến khu vực cửa khẩu Tam T thuộc huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa gặp người đàn ông mang Quốc tịch Lào (Không rõ nhân thân, lai lịch) mua 01 gói ma túy với giá 9.000.000đồng. Sau khi mua được ma túy, D đem về phòng nghỉ ở thị trấn Đồng T nơi Th và D đã thuê trước đó, rồi đi vào phòng vệ sinh mở ra xem thì thấy bên trong có 07 cục ma túy loại Hêrôin và 20 viên ma túy loại hồng phiến. D lấy 01 ít trong gói ma túy loại Hêrôin ra sử dụng thì Th đang nằm trên giường, thấy D sử dụng ma túy. Sau đó, D cất toàn bộ số ma túy còn lại vào trong người. Đến khoảng 04 giờ Ngày 11-5-2017, D và Th đón xe khách đi vào lại tỉnh Gia Lai. Đến chiều ngày 11-5-2017, khi đang trên đường đi thì có một nam thanh niên (Không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại vào số máy điện thoại của D nhưng D đang ngủ nên Th nghe điện thoại và người vừa gọi điện thoại hỏi: *"Có phải D không"*,

Thơm hỏi lại: *"Cho hỏi ai vậy"*, người này trả lời: *"Có người cho anh số điện thoại, bây giờ anh vã (tức nghiện) lắm, có không cho anh một ít"*, Th trả lời: *"Em với D đang về Gia Lai, có gì nói sau em không biết được, em với D đang cai rồi"*. Người thanh niên nói: *"Ừ, nhanh nhé"*. Đến 02 giờ ngày 12-5-2017, khi D và Th vừa xuống xe tại trước số nhà 242 đường Nguyễn Tất T, tổ 07, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai phát hiện, bắt quả tang Lữ Văn D và Nông Thị Th.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã thu giữ trong túi áo của Lữ Văn D đang mặc, gồm: 07 gói nilon bên trong có chứa chất rắn dạng cục bột màu trắng và 20 viên nén hình tròn màu đỏ có chữ "WY" (Đã được niêm phong theo quy định). Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ của Lữ Văn D: 01 điện thoại hiệu Nokia màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ; 01 điện thoại màu trắng hiệu Sam sung; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 36F6-0092 mang tên Phạm Văn S, 01 xe mô tô hiệu MINSK biển số 36F6-0092 và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lữ Văn D. Thu giữ của Nông Thị Th, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu bạc trắng; 01 điện thoại hiệu Nokia màu xanh; 01 Chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng AGribank đều mang tên Nông Thị Th và 11.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Qua trưng cầu giám định, tại Bản kết luận giám định số 172/KLGĐ ngày 19-5-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: *"Chất rắn màu trắng dạng cục, bột trong 07 (bẩy) gói nilon, trong bì công văn niêm phong ghi "Số 01" gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 9,2976 gam, loại Heroine"*.

Tại Bản kết luận giám định số 359/C54C(Đ4) ngày 07-6-2017 và Bản kết luận giám định bổ sung số 714/C54C(Đ4) ngày 07-11-2017 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận: *"20 (hai mươi) viên nén hình tròn màu đỏ trên mỗi viên đều có chữ "WY" đựng trong 01 (một) gói nilon, niêm phong trong 01 (một) phong bì đánh số 02 gửi giám định đều là ma túy loại Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine trong 1,894 gam mẫu là 0,279 gam"*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lữ Văn D và bị cáo Nông Thị Th đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên và không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số 172/KLGĐ ngày 19-5-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai; Bản kết luận giám định số 359/C54C(Đ4) ngày 07-6-2017 và Bản kết luận giám định bổ sung số 714/C54C(Đ4) ngày 07-11-2017 của Phân Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng.

Tại Bản cáo trạng số 162/CTr-VKS ngày 16-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Lữ Văn D về tội: *"Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy"* theo các điểm o, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; truy tố bị cáo Nông Thị Th về tội: *"Không tố giác tội phạm"* theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Lữ Văn D và bị cáo Nông Thị Th; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm o, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lữ Văn D mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 314 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nông Thị Th mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc xe mô tô mang biển số 36F6-0092 kèm theo giấy đăng ký xe mô tô biển số 36F6-0092 mang tên Phạm Văn S và chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ kèm theo sim số.

Trả cho bị cáo Lữ văn D chiếc điện thoại hiệu Nokia màu vàng; chiếc điện thoại màu trắng hiệu Sam sung và chứng minh nhân dân mang tên Lữ văn D.

Trả cho bị cáo Nông Thị Th chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung màu bạc trắng; chiếc điện thoại hiệu Nokia màu xanh, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, thẻ ngân hàng Agribank đều mang tên Nông Thị Th và 11.000.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong số 172 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Gia Lai và bì niêm phong số 714.

- Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo Lữ Văn D cho thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lữ văn D.

- Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lữ Văn D và bị cáo Nông Thị Th không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Lữ Văn D nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nông Thị Th nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lữ Văn D và lời khai nhận tội của bị cáo Nông Thị Th là hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: "*Vào chiều ngày 10-5-2017, tại cửa khẩu Tam T thuộc huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa, Lữ Văn D mua của người đàn ông mang Quốc tịch Lào (Không rõ nhân thân, lai lịch) 9,2976gam chất ma túy loại Hêrôin và 1,894gam chất ma túy loại Methamphetamine với giá 9.000.000đồng. Sau đó, D đem về nhà nghỉ ở thị trấn Đồng T, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa, vào phòng vệ sinh lấy ra một ít rồi sử dụng, số ma túy còn lại D cất giấu trong người. Đến 02 giờ ngày 12-5-2017, khi Lữ Văn D và Nông Thị Th vừa xuống xe tại trước số nhà 242 đường Nguyễn Tất T, Tổ 07, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai phát hiện, bắt quả tang*".

[3] Bị cáo Lữ Văn D nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy trước được tác hại của hành vi mà mình thực hiện, nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân và hám lợi nên cố tình mua, cất giấu 9,2976gam chất ma túy loại Hêrôin và 1,894gam chất ma túy loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân và có ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời. Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội, là mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội cũng như các tội phạm khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo

Lữ Văn D đã phạm vào tội: "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.5 Phần I Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT/ BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì hành vi tàng trữ mua bán hai chất ma túy Hêrôin và Methamphetamine nêu trên đã phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng: *"Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định một trong các điểm từ điểm g đến điểm n khoản 2 Điều này"* và tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo D đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên đã phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng *"Tái phạm nguy hiểm"* được quy định tại các điểm o, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Bị cáo Nông Thị Th biết rõ bị cáo Lữ Văn D cất giấu trái phép chất ma túy, lẽ ra với nghĩa vụ của công dân là phải tố giác tội phạm với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhưng bị cáo lại không có hành động tố giác tội phạm đã thực hiện như đã nêu trên mà bị cáo biết rõ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan tiến hành tố tụng, gây khó khăn cho hoạt động điều tra vụ án, xử lý người phạm tội nên đã phạm vào tội: *"Không tố giác tội phạm"* theo quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6] Bị cáo Lữ Văn D có nhân thân xấu thể hiện bị cáo có 01 tiền án và với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[7] Đối với bị cáo Nông Thị Th có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy bị cáo Nông

Thị Th có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo có lối sống buông thả, không tự rèn luyện bản thân lại dấn thân vào con đường sử dụng ma túy. Mặc dù, bị cáo đã có chồng và 01 người con, nhưng không lo chăm sóc gia đình để giữ gìn hạnh phúc mà có mối quan hệ tình cảm với bị cáo D cũng là đối tượng nghiện ma túy, biết bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội nhưng vì có mối quan hệ tình cảm này mà bị cáo bỏ qua. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản", do đó, bị cáo D có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền . Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo Lữ Văn D cho thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử Quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lữ văn D. Đối với bị cáo Nông Thị Th phạm vào "Tội không tố giác tội phạm" theo Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 không quy định hình phạt bổ sung đối với tội này nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đối với đối tượng người đàn ông mang Quốc tịch Lào, là người bị cáo Lữ Văn D khai đã bán ma túy cho D tại cửa khẩu Tam T thuộc huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa; quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng:

Đối với 01 phong bì niêm phong số 172 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 bì niêm phong số 714 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đã Nẵng, do cơ quan giám định hoàn trả là chất ma túy còn lại sau giám định, nên căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 36F6-0092 mà bị cáo Lữ Văn D dùng làm phương tiện thực hiện việc mua chất ma túy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã mua lại của ông Phạm Văn S cùng với giấy đăng ký xe mô tô biển số 36F6-0092 mang tên Phạm Văn S mà bị cáo đang sử dụng. Tại Cơ quan điều tra ông Phạm Văn S cũng đã thừa nhận bán và chuyển giao xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô biển số 36F6-0092 cho bị cáo Lữ văn D sử dụng vào tháng 5 năm 2017 tại Quan S, Thanh Hóa nên không còn thuộc sở hữu của ông. Do đó, xác

định đây là tài sản của bị cáo Lữ văn D và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, D đã sử dụng làm phương tiện, công cụ để liên lạc và mua chất ma túy cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại hiệu Nokia màu vàng; chiếc điện thoại hiệu Sam sung màu trắng là tài sản của D không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo D.

Đối với Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lữ Văn D và Nông Thị Th là giấy tờ tùy thân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho các bị cáo khi các bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung màu bạc trắng; chiếc điện thoại hiệu Nokia màu xanh; 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng AGribank đều mang tên Nông Thị Th và 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là tài sản riêng của Nông Thị Th không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Th.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lữ Văn D phạm tội: "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm o, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lữ Văn Diệp **08** (Tám) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12-5-2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nông Thị Th phạm tội: "Không tố giác tội phạm".

- Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nông Thị Th **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12-5-2017.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 172 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 bì niêm phong số 714 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại thành phố Đã Nẵng là chất ma túy hoàn lại sau giám định.

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô biển số 36F6-0092 kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 36F6-0092 mang tên Phạm Văn S và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.

Trả lại cho bị cáo Lữ Văn D 01 điện thoại hiệu Nokia màu vàng; 01 điện thoại hiệu Sam sung màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Lữ Văn D 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lữ Văn D và bị cáo Nông Thị Th 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nông Thị Th khi các bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Trả lại cho bị cáo Nông Thị Th số tiền 11.000.000đồng (Mười một triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại hiệu Sam sung màu bạc trắng; 01 điện thoại hiệu Nokia màu xanh; 01 giấy phép lái xe và 01 thẻ ngân hàng AGribank đều mang tên Nông Thị Th.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19-12-2017 giữa Công an Thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku)

- Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lữ Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nông Thị Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Công Tồn